

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về
dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược Quốc gia dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch 10873/KH-UBND ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020 - 2030”.

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 67/TTr-SYT ngày 04/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Lao động – Thương binh và Xã hội; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương;

Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- HLHPN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Th.20b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

H'Yim Kđoh

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Thực hiện dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương, dân tộc, góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người dân trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Mục tiêu 1: Thực hiện chế độ ăn đa dạng, hợp lý và an ninh thực phẩm cho mọi lứa tuổi, mọi đối tượng theo vòng đời

- Tỷ lệ trẻ 06-23 tháng có chế độ ăn đúng, đủ đạt 65% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ người trưởng thành tiêu thụ đủ số lượng rau quả hàng ngày đạt 55% vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa giảm dưới 25% vào năm 2025 và dưới 20% vào năm 2030.

- Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về đảm bảo dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt 60% ở khu vực thành thị và 40% ở khu vực nông thôn vào năm 2025 và phấn đấu đạt 90% ở khu vực thành thị và 80% ở khu vực nông thôn vào năm 2030”.

- Tỷ lệ bệnh viện tổ chức thực hiện các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng, bệnh lý cho người bệnh đạt 90% đối với tuyến tỉnh; 75% đối với tuyến huyện vào năm 2025 và phấn đấu đạt 100% đối với tuyến tỉnh; 80% đối với tuyến huyện vào năm 2030.

- Tỷ lệ xã có triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con nhỏ dưới 02 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện đạt 50% vào năm 2025 và đạt 75% vào năm 2030.

b) Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và thanh thiếu niên

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 05 tuổi giảm xuống dưới 27,4% vào năm 2025 và dưới 26,4% vào năm 2030.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trẻ em dưới 05 tuổi giảm xuống dưới 17,2% vào năm 2025 và dưới 16,2% vào năm 2030.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm trẻ em dưới 05 tuổi giảm xuống dưới 05% vào năm 2025 và dưới 03% vào năm 2030.

- Đến năm 2030, chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi theo giới tăng từ 2-2,5cm đối với nam và 1,5-2 cm đối với nữ so với năm 2020.

- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt mức 75% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ dưới 06 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt 50% vào năm 2025 và đạt 60% vào năm 2030.

c) Mục tiêu 3: Kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây, các yếu tố nguy cơ có liên quan ở trẻ em, thanh thiếu niên và người trưởng thành

- Tỷ lệ thừa cân béo phì được kiểm soát: Trẻ em dưới 05 tuổi ở mức dưới 07%; trẻ 05-18 tuổi ở mức dưới 13%; người trưởng thành 19-64 tuổi ở mức dưới 17% vào năm 2025 và duy trì ở mức đó đến năm 2030.

- Lượng muối tiêu thụ trung bình của dân số (15-49 tuổi) giảm xuống dưới 08 gam/ngày vào năm 2025 và dưới 07 gam/ngày vào năm 2030.

d) Mục tiêu 4: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ

- Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai giảm xuống dưới 23% (khu vực miền núi xuống dưới 30%) vào năm 2025 và dưới 22% (khu vực miền núi xuống dưới 25%) vào năm 2030.

- Tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em nữ 10-14 tuổi ở khu vực miền núi giảm xuống dưới 10% đến năm 2025 và dưới 09% đến năm 2030.

- Tỷ lệ thiếu kẽm huyết thanh ở trẻ em 06-59 tháng tuổi giảm xuống dưới 50% (khu vực miền núi dưới 60%) vào năm 2025 và dưới 40% (khu vực miền núi dưới 50%) vào năm 2030.

- Tỷ lệ uống Vitamin A ở trẻ em 06-59 tháng tuổi đạt >98% vào năm 2025 và duy trì tỷ lệ đó đến năm 2030.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có i-ốt hằng ngày tăng lên >80% vào năm 2025 và >90% vào năm 2030.

đ) Mục tiêu 5: Nâng cao khả năng ứng phó dinh dưỡng trong mọi tình huống khẩn cấp và tăng cường nguồn lực thực hiện Chiến lược

Đến năm 2025 tỉnh có kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và có phân bổ ngân sách địa phương hàng năm duy trì đến năm 2030.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Mọi người dân đạt được tình trạng dinh dưỡng tối ưu, kiểm soát các bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng nhằm góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về chính sách

Tiếp tục tập trung chỉ đạo để thực hiện chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ dưới 5 tuổi là một trong những chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu về dinh dưỡng.

2. Giải pháp về công tác phối hợp liên ngành và vận động xã hội

Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về công tác dinh dưỡng từ tỉnh đến huyện, xã; chú trọng việc lồng ghép, phối hợp với các chương trình, dự án có liên quan đến dinh dưỡng.

3. Giải pháp về công tác truyền thông, giáo dục dinh dưỡng

- Tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông với các loại hình, phương thức, nội dung phù hợp với từng vùng, miền và từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao hiểu biết, thực hành dinh dưỡng hợp lý đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu vi chất dinh dưỡng, kiểm soát thừa cân - béo phì và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng cho mọi tầng lớp Nhân dân.

- Nâng cao hiệu quả truyền thông, giáo dục, tư vấn về thực hành dinh dưỡng hợp lý theo vòng đời. Chú trọng giáo dục về kỹ năng mềm, tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để hình thành lối sống, thói quen lành mạnh về dinh dưỡng hợp lý.

- Tăng cường thời lượng truyền thông, hướng dẫn về dinh dưỡng hợp lý trên các phương tiện thông tin đại chúng, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các địa phương, phát bằng loa phát thanh tại xã, phường.

4. Giải pháp về nguồn lực

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng bảo đảm tính bền vững, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng và nhân viên y tế thôn, buôn ở tuyến y tế cơ sở.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức phi Chính phủ, tổ chức tôn giáo về triển khai lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng trong các các chương trình, dự án.

5. Giải pháp về chuyên môn kỹ thuật

a) Cải thiện chất lượng bữa ăn, đảm bảo an ninh thực phẩm và an ninh dinh dưỡng

- Thực hiện phổ biến về nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng, tháp dinh dưỡng, lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, thực đơn, khẩu phần, chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho mọi đối tượng.

- Tăng cường giáo dục, tư vấn cho người dân để tạo nhu cầu sử dụng thực phẩm đa dạng, lành mạnh, giàu dinh dưỡng.

- Hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm và chất lượng bữa ăn tại hộ gia đình.

b) Tăng độ bao phủ và nâng cao chất lượng các can thiệp dinh dưỡng thiết yếu

- Xây dựng kế hoạch, triển khai hiệu quả các chương trình, dự án và mô hình can thiệp dinh dưỡng thiết yếu như: Chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời (chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 06 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục bú mẹ cho trẻ em từ 06 đến 23 tháng); theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em; quản lý và điều trị cho trẻ em bị suy dinh dưỡng cấp tính; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em; bảo đảm nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường.

- Triển khai cung ứng các dịch vụ tư vấn, phục hồi dinh dưỡng, mô hình can thiệp phòng chống thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây và các yếu tố nguy cơ có liên quan tại các tuyến. Tăng cường triển khai can thiệp dinh dưỡng cho người cao tuổi, dinh dưỡng ngành nghề.

- Khuyến khích người dân sử dụng sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Tăng cường hệ thống thực phẩm tại chỗ an toàn, đa dạng, giàu dinh dưỡng và bền vững đáp ứng nhu cầu cho mọi đối tượng tại mọi vùng miền, đặc biệt trong khu vực bị thiên tai, dịch bệnh.

- Lồng ghép các dịch vụ dinh dưỡng với các chương trình khác như y tế, giáo dục, phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số, nông thôn mới, giảm nghèo, bảo trợ xã hội để bảo đảm tăng nguồn lực đầu tư cho mọi đối tượng cần can thiệp.

c) Thực hiện hoạt động dinh dưỡng học đường tại trường học

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục dinh dưỡng học đường, giáo dục thể chất và hoạt động thể thao, lồng ghép trong các giờ học chính khóa, hoạt động ngoại khóa và xây dựng các mô hình truyền thông phù hợp.

- Truyền thông cho cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm có lợi và an toàn cho sức khỏe phòng, chống bệnh không lây nhiễm, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh. Đặc biệt quan tâm đến dinh dưỡng hợp lý cho lứa tuổi tiền dậy thì và dậy thì.

- Hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi, vùng, miền và bảo đảm đa dạng thực phẩm (đối với các trường học có tổ chức bữa ăn học đường).

- Phối hợp, liên kết giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em, học sinh; thông tin cho phụ huynh về tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh trong trường học.

- Duy trì hoạt động tẩy giun định kỳ cho học sinh tiểu học.

d) Thực hiện hoạt động dinh dưỡng tại bệnh viện

- Truyền thông, tư vấn dinh dưỡng cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân

- Triển khai các quy định về dinh dưỡng trong bệnh viện như thực hiện tiêu chí dinh dưỡng và nuôi con bằng sữa mẹ trong Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện.

đ) Tăng cường triển khai hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp

- Xây dựng Kế hoạch ứng phó với thiên tai thảm họa, dịch bệnh của tỉnh.

- Nâng cao năng lực ứng phó dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho cán bộ địa phương và các ban, ngành liên quan.

- Thực hiện có hiệu quả các hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp ở cộng đồng tại các địa phương nếu bị ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

6. Nghiên cứu khoa học về dinh dưỡng

- Phối hợp tham gia nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ về dinh dưỡng, thực phẩm phù hợp cho người Việt Nam.

- Tăng cường áp dụng kỹ thuật phát triển và nghiên cứu mô hình ứng dụng khoa học công nghệ cao phục vụ công tác dinh dưỡng.

7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giám sát, tư vấn, thống kê, báo cáo về công tác dinh dưỡng trên phạm vi toàn tỉnh.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Triển khai các hoạt động trọng tâm nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng, chú trọng công tác giáo dục, huấn luyện, phát triển nhân lực và bổ sung các chính sách hỗ trợ cho dinh dưỡng, tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu giai đoạn 2021-2030.

IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ

- Dự kiến tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025: **4.772.200.000 đồng.**

Trong đó:

+ *Ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp): 3.151.200.000 đồng.*

+ *Ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp): 1.621.000.000 đồng.*

- Kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030: Căn cứ chỉ đạo của các Bộ, ngành và tình hình thực tế của tỉnh, Sở Y tế phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược của ngành y tế; hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chiến lược trên phạm vi cả tỉnh. Giám sát, kiểm tra, định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chiến lược. Tổ chức sơ kết vào cuối năm 2025 và tổng kết việc thực hiện Chiến lược vào cuối năm 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án can thiệp như thực hiện dinh dưỡng, khẩu phần hợp lý, cải thiện dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời, phòng chống thiếu vi

chất dinh dưỡng, dinh dưỡng học đường, dinh dưỡng người cao tuổi, dinh dưỡng ngành nghề, dinh dưỡng phòng chống yếu tố nguy cơ và bệnh mạn tính không lây, dinh dưỡng tiết chế tại bệnh viện, dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp; các chương trình, dự án về dinh dưỡng và an ninh thực phẩm khác.

2. Sở Giáo dục và đào tạo

- Triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động về dinh dưỡng hợp lý trong trường học.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục dinh dưỡng học đường; tăng cường các hoạt động thể lực trong trường học phù hợp với lứa tuổi, vùng, miền và hình thức tổ chức.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Đề án “Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản giai đoạn 2018-2025”.

3. Ban Dân tộc tỉnh

- Phối hợp, Sở Y tế và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

- Theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động dinh dưỡng thuộc các chương trình, đề án, dự án đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tăng cường thực hiện các chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật, gắn liền với mục tiêu về bảo đảm dinh dưỡng.

- Tăng cường lồng ghép triển khai các hoạt động liên quan đến dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em trong các chương trình, đề án đang thực hiện như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh tuyên truyền và chỉ đạo việc thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động nữ đang mang thai, đang nuôi con nhỏ, lao động tại các khu công nghiệp, người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì triển khai bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm hộ gia đình đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng.

- Lồng ghép mục tiêu dinh dưỡng vào các chính sách về thực phẩm và nông nghiệp trong thực hiện chuyển đổi, phát triển hệ thống thực phẩm minh

bạch, trách nhiệm, bền vững; trong các chương trình đang thực hiện như Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình không còn nạn đói.

- Lồng ghép hoạt động ứng phó dinh dưỡng trong Kế hoạch quốc gia, chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với thiên tai để cung cấp thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng cho những khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo, tổ chức các hoạt động truyền thông về dinh dưỡng, chú trọng các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thực hành dinh dưỡng hợp lý.

- Phối hợp với Sở Y tế và các ban, ngành liên quan trong việc kiểm soát quảng cáo về dinh dưỡng và thực phẩm.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Chiến lược lồng ghép với Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

- Chỉ đạo lồng ghép hoạt động vận động thể lực và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý với phong trào quần chúng và hoạt động thể thao, văn hóa tại cộng đồng; tăng cường tuyên truyền về lợi ích của hoạt động thể dục thể thao quần chúng đối với sức khỏe.

8. Sở Công Thương

- Tham mưu góp ý sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu, sản xuất, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường sản phẩm thực phẩm tăng cường bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm lành mạnh.

- Tăng cường quản lý về sản xuất, kinh doanh các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe thuộc lĩnh vực quản lý.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

Chỉ đạo và tăng cường thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về dinh dưỡng, thực phẩm.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các sở, ngành liên quan trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế thực hiện lồng ghép, đưa các chỉ tiêu của Kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hằng năm và 05 năm của tỉnh.

11. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Sở Y tế căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách bố trí kinh phí cho các Sở, ban, ngành để thực hiện Chiến lược đối với các nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách.

- Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật.

12. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hành động dinh dưỡng và các chương trình, dự án can thiệp dinh dưỡng trên địa bàn theo hướng dẫn của các ngành chức năng. Đưa các chỉ tiêu dinh dưỡng đặc thù vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng với các chương trình, đề án, dự án khác có liên quan trên địa bàn.

- Tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chiến lược trên địa bàn theo quy định.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Tham gia tuyên truyền, chỉ đạo các tổ chức thành viên phổ biến kiến thức cho cộng đồng về công tác dinh dưỡng và huy động nguồn lực triển khai các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp có liên quan của Chiến lược; vận động toàn dân tích cực tham gia các hoạt động của Chương trình chăm sóc dinh dưỡng nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam trên địa bàn tỉnh; giám sát việc thực hiện Chương trình.

- Lồng ghép việc thực hiện các chỉ tiêu của Chương trình với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

14. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

- Tăng cường vận động hội viên và gia đình hội viên thực hiện chế độ chăm sóc dinh dưỡng đối với phụ nữ có thai, trẻ em dưới 02 tuổi, chú trọng các nội dung như chăm sóc bà mẹ trước sinh, tư vấn, hướng dẫn cho con bú sữa mẹ, bổ sung vi chất, thực hiện dinh dưỡng hợp lý.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp triển khai thực hiện./.